TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2024/HNGĐ-ST
Ngày 23-7-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị K và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoá;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên toà: Ông Lại Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Đinh Thị K, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm M, xã Hải G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- **Bị đơn**: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm M, xã Hải G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1933; địa chỉ: Xóm M, xã Hải G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1998; địa chỉ: Xóm A, xã Hải N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15 tháng 4 năm 2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Đinh Thị K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị K và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào ngày 08 /10/1997 tại Uỷ ban nhân dân xã Hải G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà mẹ đẻ anh T tại xóm Mỹ T (nay là xóm Ma), xã Hải G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định được thời gian thì cùng vào thành phố Hồ Chí Minh làm kinh tế. Đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không tu trí làm kinh tế, cộng thêm tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống khác nhau nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra xích mích cãi chửi nhau. Từ tháng 9/2022 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị K đề nghị Toà án cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/9/1998; Nguyễn Thị P, sinh ngày 25/02/2001; Nguyễn Thị N, sinh ngày 12/3/2004 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 07/01/2013. Hiện nay cháu H, cháu P và cháu N đã thành niên nên chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu H1 đang ở cùng chị K tại gia đình bố mẹ chị ở xóm 3, xã Hải Ninh, huyện Hải Hậu. Khi ly hôn chị K yêu cầu tiếp tục nhận nuôi cháu H1 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về công việc, hiện chị K đang làm nghề buôn bán tự do, chị xác nhận có mức thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng cháu H1.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh nhận, nhưng đến nay anh T vẫn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng mà không có lý do và không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và nuôi con chung của chị K.

* Người làm chứng, chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là con gái của bà K, ông T. Bố mẹ chị mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2022 đến nay, hiện ông T đang làm kinh tế tại thành phố Vùng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Chị thường xuyên liên lạc với ông T qua điện thoại và zalo, chị xin được nhận thay các văn bản tố tụng cho ông T và cam kết giao lại cho ông T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phám và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị K, cho ly hôn giữa chị Đinh Thị K và anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H1 cho chị K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị K là phù hợp ; về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung, không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí, nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Đinh Thị K đã có đơn xin vắng mặt, bà Vũ Thị N, chị Nguyễn Thị H là người làm chứng xin vắng mặt tại phiên toà. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị K, anh T, bà Nhợi và chị H là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Đinh Thị K và anh Nguyễn Văn T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã Hải G, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 08 /10/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian thì mâu thuẫn. Từ tháng 9/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K đối với anh T thì thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh T là có thật. Nguyên nhân do anh T không tu trí làm kinh tế, cộng thêm tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm lối sống nhau, hai bên có thời gian sống ly thân lâu, nhưng cả hai người không có biện pháp nào để vợ chồng về chung sống đoàn tụ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K với anh T là phù hợp quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị Đinh Thị K và anh Nguyễn Văn T có 04 con chung: Cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 15/9/1998; Nguyễn Thị P, sinh ngày 25/02/2001; Nguyễn Thị N, sinh ngày 12/3/2004 và Nguyễn Thị H1, sinh ngày 07/01/2013. Hiện nay cháu H, cháu P và cháu N đã thành niên, chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cháu H1 chưa thành niên, khi ly hôn nguyện vọng của chị K xin được nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị Đinh Thị K thì thấy: Cháu Nguyễn Thị H1 hiện đang do chị K nuôi dưỡng; chị K có nghề nghiệp và mức thu nhập ổn định. Anh T không có ý kiến gì về nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu H1 nên tiếp tục giao

cháu H1 cho chị K nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị K không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Đinh Thị K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh Nguyễn Văn T không tham gia tố tụng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến về tài sản và nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng nên không có căn cứ xem xét giải quyết. Nếu sau này anh T có tranh chấp về tài sản, nghĩa vụ về tài sản trong thời kỳ hôn nhân với chị Đinh Thị K thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Đinh Thị K phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị K và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H1, sinh ngày 07/01/2013 cho chị Đinh Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị K. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Hiện cháu H1 đang ở cùng chị K nên hai bên không phải T hiện nghĩa vụ bàn giao con chung cho nhau.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Đinh Thị K phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0003126 ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải G;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đính